TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯM'GAR** TỈNH ĐẮK LẮK Bản án số: 35/2017/HSST Ngày 14-8-2017	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Mạnh

+ Bà Nguyễn Thị Hoài Bão.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2017/HSST ngày 14/6/2017, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T** (Tên gọi khác: T K);

Sinh năm: 1989 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở trước khi phạm tội: Phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 1/12;

Nghề nghiệp: Không;

Tiền án: (*01 tiền án về tội trộm cắp tài sản*);

Tiền sự: Không;

Con ông Nguyễn Duy K, sinh năm: 1962 và con bà Dương Thị T, sinh năm: 1966. Hiện ông bà đang sinh sống và làm nông tại tổ X, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông;

Bị cáo có vợ là Vũ Thị T, sinh năm: 1995 và có 01 con sinh năm: 2014. Hiện sinh sống tại tổ X, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 30/6/2010 bị Tòa án nhân dân thị xã GN xử phạt 06 tháng tù treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Hiện bị cáo chưa thi hành 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 04/5/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã GN, tỉnh Đắk Nông tuyên phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án tại Trại giam ĐT. Ngày 29/4/2012 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 07/6/2011 đã chấp hành xong số tiền 450.000 đồng án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm, phần bồi thường dân sự người bị hại không yêu cầu. Ngày 08/6/2014 có hành vi trộm cắp tài sản tại tổ dân phố K, thị trấn Q, huyện C. Ngày 22/12/2016 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông khởi tố về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Ngày 20/3/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố bị can. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông – *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: **Phan Tiến D** (*Tên gọi khác: D T*);

Sinh năm: 1990 tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ N, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 8/12;

Nghề nghiệp: Làm nông;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không;

Con ông Phan Văn T, sinh năm: 1960 và con bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1969. Hiện ông bà đang sinh sống và làm nông tại tổ n, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông;

Bị cáo có vợ là Lê Thị Thảo N, sinh năm: 1996 và có 01 con, sinh năm: 2016. Hiện sinh sống tại phường HV, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngày 22/12/2016 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông khởi tố về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Ngày 26/4/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố bị can. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông – *Có mặt tại phiên tòa.*

3. Họ và tên: **Hồ Vĩnh S** (*Tên gọi khác: S N*);

Sinh năm: 1991 tại tỉnh Đắk Nông;

Nơi ĐKNKTT và Chỗ ở trước khi phạm tội: Tổ X, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 5/12;

Nghề nghiệp: Làm nông;

Tiền án: Không;

Tiền sự: Không;

Con bà Hồ Thị N (mẹ nuôi), sinh năm: 1967. Hiện bà đang sinh sống và làm nông tại tổ X, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông;

Bị cáo có vợ là Huỳnh Thị Hải D, sinh năm: 1997 và có 01 con, sinh năm: 2016. Hiện sinh sống tại tổ X, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 22/12/2016 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông khởi tố về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Ngày 20/3/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố bị can. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông - *Có mặt tại phiên tòa* .

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn M** (*Tên gọi khác: T S*);

Sinh năm: 1991 tại tỉnh Hải Dương;

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn NR, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;

Tôn giáo: Không;

Trình độ học vấn: 8/12;

Nghề nghiệp: Làm nông;

Tiền án: *01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản*);

Tiền sự: Không;

Con ông Nguyễn Văn C (*đã chết*) con bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1962. Hiện bà đang sinh sống và làm nông tại thôn NR, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông;

Bị cáo có vợ là Lưu Thị Kiều T, sinh năm: 1994 và có 01 con, sinh năm: 2015. Hiện sinh sống tại thôn NR, xã ĐN, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông.

Ngày 01/4/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Chấp hành án tại Trại giam ĐT. Ngày 11/10/2010 chấp hành xong hình phạt và trở về địa phương sinh sống. Ngày 04/5/2011 bị Tòa án nhân dân thị xã GN xử phạt 06 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản (*giá trị tài sản là 990.000 đồng)*. Chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông. Ngày 17/8/2011 chấp hành xong và trở về địa phương sinh sống. Hiện nay, chưa chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và bồi thường dân sự. Ngày 08/6/2014 có hành vi trộm cắp tài sản tại tổ dân phố K, thị trấn Q, huyện C.

Ngày 22/12/2016 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông khởi tố về tội Trộm cắp tài sản và áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam. Ngày 20/3/2017 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C khởi tố bị can. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Nông – *Có mặt tại phiên tòa*.

5. Người bị hại: Vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1959 (*vắng mặt*) + Bà Lê Thị T, sinh năm 1958.*(có mặt)*

Trú tại: số nhà 61 đường A, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đăk Lăk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M bị Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào đầu tháng 6/2014 Nguyễn Thanh T cùng với Phan Tiến D đến thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk chơi với bạn là Hoàng Thị Kim Y. Sau đó T, D điện thoại cho Hồ Vĩnh S và Nguyễn Văn M lên thị trấn Q chơi. T, D, S, M cùng thuê phòng tại thị trấn Q, huyện C để ở. Trong thời gian ở tại thị trấn Q chơi, do hết tiền tiêu xài nên cả nhóm rủ nhau đi tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản.

Khoảng 07 giờ ngày 08/6/2014, S điều khiển xe mô tô hiệu Excel màu trắng của M (*không xác định được biển kiểm soát*) chở T, D điều khiển xe mô tô hiệu Exciter màu xanh trắng của D (*không xác định được biển kiểm soát*) chở M đi trộm cắp tài sản. T, D, S, M phát hiện nhà ông Nguyễn Hữu T không có người trông coi nên thống nhất vào trộm cắp tài sản. Do T, D, S, M đã trộm cắp tài sản tại tỉnh Đắk Nông trước đó nên cả nhóm tự hiểu và thống nhất phân công D, M là người đứng ngoài cảnh giới còn T, S đột nhập vào nhà. T, S cầm 01 tua vít, 01 đục sắt, 01 cái kìm do S để sẵn trong cốp xe đi đến, cạy bung cửa gỗ sau nhà ông Thịnh, bà Thu rồi đột nhập vào nhà. T, S phát hiện thấy trong phòng ngủ có để 01 két sắt rồi cùng nhau đục phá két sắt nhưng không được. T điện thoại cho D mua 01 xà beng đưa vào cho T, T và S cạy bung cửa két sắt lấy được 01 vòng vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ rồi cùng nhau tẩu thoát lên thành phố BMT, bán vòng vàng cho tiệm vàng ở thành phố BMT (*không rõ địa chỉ*) được số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) chia nhau tiêu xài hết. Sau đó, T, D, S, M tiếp tục thực hiện nhiều vụ Trộm cắp tài sản tại tỉnh Đắk Nông thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông phát hiện và bắt giữ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 69 ngày 11/8/2014 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 vòng đeo cổ bằng vàng y, trọng lượng 03 chỉ có giá 10.980.000 đồng (*mười triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*).

Tại bản cáo trạng số: 27/KSĐT-HS ngày 09/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M về tội "*Trộm cắp tài sản"*, theo điểm a khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; Điều 33; điểm g,p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Thanh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; Điều 33; điểm g,p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Phan Tiến D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; Điều 33; điểm g,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Hồ Vĩnh S từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

4. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; Điều 33; điểm g,p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Văn M từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M phải liên đới bồi thường 01 vòng đeo cổ bằng vàng y 9999, trọng lượng 03 chỉ cho người bị hại là ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị T.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có

trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M đã tổ chức, chuẩn bị công cụ phương tiện phạm tội và phân công vai trò của từng bị cáo, cùng nhau lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 vòng vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ, có giá trị 10.980.000đ (*Mười triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng*) của Nguyễn Hữu T, bà Lê Thị T là phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 BLHS.

*** Tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:**

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a)Có tổ chức"

. . .

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, không những đã chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác mà còn gây nên những ảnh hưởng rất xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi chiếm đoạt trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào khoảng 07 giờ ngày 08/6/2014, các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc, tổ chức, phân công vai trò và mang theo 01 tua vít, 01 đục sắt, 01 cái kìm cạy bung cửa gỗ sau nhà ông Thịnh rồi đột nhập vào nhà và dùng 01 xà beng cạy két sắt lấy được 01 vòng vàng 9999, trọng lượng 03 chỉ rồi cùng nhau tẩu thoát lên thành phố BMT, bán vòng vàng cho một tiệm vàng ở thành phố BMT (*không rõ địa chỉ*) được số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) chia nhau tiêu xài hết. Cho nên đối với các bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly tất cả các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Có như vậy mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

Đối với Nguyễn Thanh T, bị cáo là người trực tiếp khởi xướng, tổ chức và tích cực cùng với bị cáo S trực tiếp tham gia đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản

cho nên bị cáo T phải chịu mức án cáo hơn các bị cáo còn lại. Bị cáo T và M đều đã có 01 tiền án, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Cho nên đối với các bị cáo T, M cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc nhất. Tuy nhiên vai trò của bị cáo M là thấp hơn bị cáo T nên cho bị cáo M được hưởng mức án nhẹ hơn bị cáo T nhưng cao hơn bị cáo S và D là phù hợp. Đối với bị cáo S và bị cáo D xét mức độ tham gia và vai trò của hai bị cáo là ngang nhau nên cần cho hai bị cáo mức án như nhau.

[4] Tuy nhiên xét thấy các bị cáo Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, S , M, D đã thành khẩn khai báo; các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

- Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M bồi thường giá trị 01 vòng đeo cổ bằng vàng y 9999, trọng lượng 03 chỉ (*giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.657.000đ/ chỉ*) cho người bị hại ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị T. Mỗi bị cáo phải bồi thường 0,75 chỉ vàng 9999.

**** Về xử lý vật chứng:***

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 65 cm, cán bằng tre; 01 con dao dài 34 cm, cán bằng gỗ; 01 đục sắt dài 25 cm; 01 két sắt hiệu Coiphat home, màu xanh, bị đục phá hư hỏng.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Excel, 01 xe mô tô hiệu Exciter, 02 điện thoại Nokia, 01 tua vít, 01 kìm, 01 xà beng cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không xử lý là phù hợp.

***** *Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm:* Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 137.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể:

0,75 chỉ vàng 9999, tương đương số tiền 2.742.750đ (*giá tại thời điểm xét xử là 3.657.000đ/ chỉ*) x 5% = 137.000đ (*làm tròn*)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M phạm tội "***Trộm cắp tài sản***"

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g,p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

1. Xử phạt **Nguyễn Thanh T** *(T K)* **03** (ba) năm tù.

2. Xử phạt **Nguyễn Văn M** (*T S*) **02** (hai) năm **06** (sáu) tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 138; điểm g,p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

3. Xử phạt **Phan Tiến D** *(D T*) **02** (hai) năm tù.

4. Xử phạt **Hồ Vĩnh S** *(S N)* **02** (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Văn M, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S tính từ ngày bắt thi hành án.

**** Về trách nhiệm dân sự:*** Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M liên đới bồi thường 01 vòng đeo cổ bằng vàng y 9999, trọng lượng 03 chỉ (*giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.657.000đ/ chỉ*) cho ông Nguyễn Hữu T và bà Lê Thị T. Mỗi bị cáo phải bồi thường 0,75 chỉ vàng y 9999.

**** Về xử lý vật chứng:*** Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 65 cm, cán bằng tre; 01 con dao dài 34 cm, cán bằng gỗ; 01 đục sắt dài 25 cm; 01 két sắt hiệu Coiphat home, màu xanh, bị đục phá hư hỏng.

(*Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/6/2017 giữa cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C*).

**** Về án phí:*** Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 23; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T, Phan Tiến D, Hồ Vĩnh S, Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm và 137.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo và đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS.
-THA phạt tù;

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Cảnh